TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06-9-2019
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Thế Khải

+ Ông Lê Văn Chấn

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đỗ Thị Hồng Quyên-Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 37/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXX-ST ngày 15 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phan Thị N, sinh ngày 16/02/1981;

Địa chỉ: T1, O, O1 N1 K A, Japan.

- *Bị đơn*: Anh Lê Minh T, sinh ngày 01/01/1987;

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Chị N, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 01/7/2019, nguyên đơn- chị Phan Thị N trình bày:*

Chị và anh T cưới nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 06/01/2017. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc, đến tháng 01/2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, thường

hay cãi vã mất hạnh phúc. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

-Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Minh T.

-Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên chị xin phép được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**Tại bản tự khai đề ngày 01/8/2019 và đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 26/8/2019, bị đơn- anh Lê Minh T trình bày:*

Anh và Chị N cưới nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 06/01/2017 tại Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn, anh và Chị N cùng nhau qua Nhật làm ăn sinh sống. Vợ chồng sống hạnh phúc, đến tháng 01/2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong, tính tình không hợp nhau. Tháng 4/2018 thì anh về Việt Nam, anh và Chị N sống ly thân từ đó đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay Chị N yêu cầu ly hôn anh cũng đồng ý.

-Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên anh xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng: Chị Phan Thị N có đơn xin ly hôn với anh Lê Minh T. Chị N là người Việt Nam có quốc tịch Việt Nam, hiện đang sinh sống tại địa chỉ: T1, O, O1 N1 K A, Japan. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là tranh chấp "Xin ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Phan Thị N và anh Lê Minh T có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình xét xử, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu xin ly hôn của Chị N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Phan Thị N và anh Lê Minh T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền

Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 06/01/2017, nên quan hệ hôn nhân giữa Chị N và anh T được xem là hôn nhân hợp pháp.

Tại các bản tự khai, Chị N và anh T trình bày sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 01/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, vợ chồng thường hay cãi vả. Tháng 4/2018 anh T về Việt Nam, Chị N vẫn sinh sống tại Nhật, hai người sống ly thân từ đó cho đến nay. Ngày 01/7/2019, Chị N nộp đơn xin ly hôn, đồng thời có đơn xin giải quyết vắng mặt với lý do bận công việc. Ngày 01/8/2019, anh T nộp bản tự khai có nội dung đồng ý ly hôn với Chị N, đồng thời cũng có đơn xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Căn cứ vào bản tự khai của anh T và Chị N, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa hai anh chị là có thật và đã trở nên trầm trọng không có khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, thời gian sống ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh T theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: anh T và Chị N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị N đối với anh Lê Minh T.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Phan Thị N tự nguyện nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228; khoản 1, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị N được ly hôn với anh Lê Minh T.

2. Về án phí: Chị Phan Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001004 ngày 01/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Anh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Chị N cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- UBND huyện G, tỉnh TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Thu Thủy